

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 132/ 2019/DS-ST.

Ngày: 30 - 5 – 2019.

V/v: Tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Phan Thị Quý.**

Ông **Lê Văn Minh.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Phục** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST-DS ngày 27/3/2019, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Lâm Mỹ L**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp VQ, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu phố 5, phường MB, thành phố PR-TC, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn:* **Lê Minh V**, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp BT, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt anh H; anh V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Lâm Mỹ L, có đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Văn H trình bày:

Chị Nguyễn Lâm Mỹ L có cho anh Lê Minh V vay tiền nhiều lần, với tổng số tiền là 700.000.000đồng, cụ thể:

- Ngày 21/10/2018 chị L cho anh V vay 150.000.000đồng;
- Ngày 25/10/2018 chị L cho anh V vay 100.000.000đồng;
- Ngày 07/11/2018 chị L cho anh V vay 200.000.000đồng;
- Ngày 13/02/2019 chị L cho anh V vay 250.000.000đồng.

Tất cả các lần vay đều có làm biên nhận, anh V có ký tên vào biên nhận, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng. Sau khi vay anh V hứa bán đất cầm cố ở Ngân hàng thương mại cổ phần BV - Chi nhánh Mỹ Tho để trả nợ cho chị L, tuy nhiên anh V không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và vốn như đã thỏa thuận.

Nay chị Nguyễn Lâm Mỹ L khởi kiện yêu cầu anh Lê Minh V trả số tiền vốn vay là 700.000.000đồng và tiền lãi theo mức 1.66% tháng, lãi được tính cụ thể như sau:

Số tiền 150.000.000đồng vay ngày 21/10/2018, lãi được tính từ ngày 21/11/2018 đến ngày 21/3/2019 là 04 tháng, lãi suất 1.66%/ tháng, thành tiền là 9.960.000đồng.

Số tiền 100.000.000đồng vay ngày 25/10/2018, lãi được tính từ ngày 25/11/2018 đến ngày 25/3/2019 là 04 tháng, lãi suất 1.66%/ tháng, thành tiền là 6.640.000đồng.

Số tiền 200.000.000đồng vay ngày 07/11/2018, lãi được tính từ ngày 07/12/2018 đến ngày 07/3/2019 là 03 tháng, lãi suất 1.66%/ tháng, thành tiền là 9.960.000đồng.

Số tiền 250.000.000đồng vay ngày 13/02/2019, lãi được tính từ ngày 13/3/2019 đến ngày 13/4/2019 là 01 tháng, lãi suất 1.66/tháng, thành tiền là 4.150.000đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 30.710.000đồng.

Như vậy tiền vốn và lãi mà anh Lê Minh V có nghĩa vụ phải trả cho chị Nguyễn Lâm Mỹ L là 730.710.000đồng, yêu cầu thực hiện ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn anh V trình bày:** Anh có vay tiền của chị L nhiều lần với số tiền vay là 450.000.000đồng, anh có viết cho chị L 03 biên nhận gồm: 01 biên nhận với số tiền vay là 100.000.000đ; 01 biên nhận số tiền vay là 150.000.000đồng; 01 biên nhận số tiền vay là 200.000.000đồng. Do thời gian vay đã lâu nên anh không nhớ rõ ngày, tháng cụ thể, biên nhận do anh viết và ký tên. Lãi suất vay là 15.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Thời hạn vay là 01 tháng. Anh đã trả lãi cho chị L hàng ngày, anh trả lãi đến ngày 23/12/2018 âm lịch thì ngưng không trả nữa. Ngày 06/01/2019 âm lịch anh trả tiếp cho chị L 20.000.000đồng tiền lãi, khi trả lãi không có làm biên nhận gì, vốn chưa trả.

Đối với số tiền 250.000.000đồng mà chị L kiện anh là tiền lãi chứ không phải tiền vay. Do anh không trả lãi của số tiền vay 450.000.000đồng từ ngày 23/12 /2018 âm lịch, nên đến ngày 13/02//2019 thì chị L yêu cầu anh viết biên nhận với số tiền lãi là 250.000.000đồng nêu trên, anh đã viết và ký tên vào biên nhận chứ anh không có nhận tiền của chị L.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của chị L, anh đồng ý trả cho chị L số tiền vốn là 450.000.000đồng, xin trả trong thời hạn 06 tháng, xin không trả lãi. Đối với số tiền 250.000.000đồng anh không đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

* Đối với yêu cầu trả số tiền vốn vay 700.000.000đồng của nguyên đơn:

Chị L và anh V trình bày thống nhất với nhau về số tiền vốn mà chị L cho anh V vay ngày 21/11/2018 là 150.000.000đồng; ngày 25/11/2018 là 100.000.000đồng; ngày 07/12/2018 là 200.000.000đồng, như vậy chị L và anh V đã thống nhất được số tiền vay là 450.000.000đồng mà anh V còn nợ chị L.

Đối với số tiền vay 250.000.000đồng ngày 13/02/2019, chị L cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ có chữ ký của anh V, anh V thừa nhận chữ ký trong

biên nhận là của anh nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định vào ngày 13/02/2019 anh V có vay của chị L số tiền 250.000.000đồng, nay đã quá hạn nên chị L yêu cầu anh V trả là có căn cứ để chấp nhận.

Anh V cho rằng với số tiền 250.000.000đ theo biên nhận ngày 13/02/2019 là tiền lãi của các khoản vay 450.000.000đồng mà anh đã vay của chị L, do anh không trả lãi từ ngày 23/12 /2018 âm lịch, nên đến ngày 13/02//2019 thì chị L yêu cầu anh viết biên nhận chứ anh không có vay tiền của L, xét thấy anh V không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở, nguyên đơn chị L không chấp nhận lời trình bày này của anh V nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của của anh V.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để buộc anh V trả cho chị L số tiền vốn vay là 700.000.000đồng. Anh V xin chị L cho trả dần số tiền 450.000.000đồng, chị L không đồng ý nên cần buộc anh V thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, anh V đã vay tiền của chị L làm 04 lần, tất cả các lần vay đều có thời hạn là 01 tháng, với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, tuy nhiên sau khi vay anh V không trả lãi cho chị L như thỏa thuận, anh V thừa nhận đến nay các khoản nợ trên đã quá hạn thanh toán. Khi khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo thỏa thuận 2%/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa anh H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1.66%/tháng, xét yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của chị L, buộc anh V trả lãi cho chị L với mức lãi suất 1.66%/tháng, cụ thể:

Đối với số tiền 150.000.000đồng vay ngày 21/10/2018, lãi được tính từ ngày 21/11/2018 đến ngày 21/3/2019 là 04 tháng, lãi suất 1.66%/ tháng, thành tiền là 9.960.000đồng.

Đối với số tiền 100.000.000đồng vay ngày 25/10/2018, lãi được tính từ ngày 25/11/2018 đến ngày 25/3/2019 là 04 tháng, lãi suất 1.66%/ tháng, thành tiền là 6.640.000đồng.

Đối với số tiền 200.000.000đồng vay ngày 07/11/2018, lãi được tính từ ngày 07/12/2018 đến ngày 07/3/2019 là 03 tháng, lãi suất 1.66%/ tháng, thành tiền là 9.960.000đồng.

Đối với số tiền 250.000.000đồng vay ngày 13/02/2019, lãi được tính từ ngày 13/3/2019 đến ngày 13/4/2019 là 01 tháng, lãi suất 1.66/tháng, thành tiền là 4.150.000đồng. Tổng cộng tiền lãi là 30.710.000đồng.

Anh V cho rằng đã trả lãi cho chị L từ ngày vay cho đến ngày 23/12/2018 (âl) với mức lãi suất là 15.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày và ngày 06/01/2019 (âl) anh trả cho chị L 20.000.000đồng tiền lãi. Tuy nhiên, anh không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, nguyên đơn chị L không chấp nhận đã có nhận tiền lãi của anh V, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của anh V mà cần buộc anh V phải trả lãi cho chị L như đã phân tích ở trên.

[3] Về án phí: Anh Lê Minh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Lâm Mỹ L.

1. Buộc anh Lê Minh V trả cho chị Nguyễn Lâm Mỹ L số tiền vốn vay là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi là 30.710.000đồng, tổng số tiền anh V phải trả cho chị L là 730.710.000đồng. Thực hiện trả tiền ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Minh V phải chịu 33.228.400đ.
- Hoàn lại chị Nguyễn Lâm Mỹ L 16.740.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0009548 ngày 27/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày chị Nguyễn Lâm Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Minh V chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND T. Tiền Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn